BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 41/2016/TT-BTTTT	*Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2016*

THÔNG TƯ
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2015/TT-BTTTT ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết thi hành Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong lĩnh vực in, phát hành xuất bản phẩm

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

Căn cứ Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

Căn cứ Quyết định số 41/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về cấp phép nhập khẩu hàng hóa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành;

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2015/TT-BTTTT ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết thi hành Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong lĩnh vực in, phát hành xuất bản phẩm.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2015/TT-BTTTT ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết thi hành Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong lĩnh vực in, phát hành xuất bản phẩm

1. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"**Điều 2. Hàng hóa trong lĩnh vực in, phát hành xuất bản phẩm theo mã số HS**

1. Hàng hóa trong lĩnh vực in:

Hàng hóa trong lĩnh vực in bao gồm: thiết bị, linh kiện, phụ tùng theo mô tả và mã số HS thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông thuộc các nhóm:

a) 84.40;

b) 84.41;

c) 84.42;

d) 84.43.

2. Hàng hóa trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm:

Hàng hóa trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm có hình thức quy định tại Khoản 4 Điều 4 của Luật Xuất bản và có mã HS thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông thuộc các nhóm:

a) 49.01;

b) 4903.00.00;

c) 49.05;

d) 4910.00.00;

đ) 49.11.”

2. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 5. Hàng hóa nhập khẩu trong lĩnh vực in**

Hàng hóa quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư này được mô tả chi tiết và khi nhập khẩu phải tuân thủ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.”

Điều 2. Ban hành phụ lục

Ban hành kèm theo Thông tư này 02 phụ lục để thay thế Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BTTTT ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết thi hành Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong lĩnh vực in, phát hành xuất bản phẩm:

1. Phụ lục I: Danh mục, thủ tục nhập khẩu và yêu cầu đối với hàng hóa nhập khẩu trong lĩnh vực in;

2. Phụ lục II: Danh mục, thủ tục nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2017.

2. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Trương Minh Tuấn

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC I
DANH MỤC, THỦ TỤC NHẬP KHẨU VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU TRONG LĨNH VỰC IN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Hàng hóa theo mã số HS	Mô tả hàng hóa		Thủ tục và yêu cầu đối với hàng hóa nhập khập	
	Mô tả theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam	Mô tả chuyên ngành trong lĩnh vực in	Về giấy phép	Về hàng hóa
84.40	**Máy đóng sách, kể cả máy khâu sách**	**Máy đóng sách (bao gồm: máy khâu sách loại đóng thép hoặc khâu chỉ, máy vào bìa, máy gấp sách, máy kẹ mã liên hợp, dây chuyền liên hợp hoàn thiện sản phẩm in từ 02 công đoạn trở lên và loại khác)**		
8440.10	- Máy:			
8440.10.10	- - Hoạt động bằng điện		Giấy phép nhập khẩu đối với máy đóng sách (bao gồm: máy khâu sách loại đóng thép hoặc khâu chỉ, máy vào bìa,	Được sản xuất không quá 25 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu

Hàng hóa theo mã số HS	Mô tả hàng hóa		Thủ tục và yêu cầu đối với hàng hóa nhập khập	
	Mô tả theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam	Mô tả chuyên ngành trong lĩnh vực in	Về giấy phép	Về hàng hóa
			máy gấp sách, máy kẹ mã liên hợp, dây chuyền liên hợp hoàn thiện sản phẩm in), trừ loại khác	
8440.10.20	- - Không hoạt động bằng điện		Không phải có giấy phép nhập khẩu	Không yêu cầu
8440.90	- Bộ phận:		Không phải có giấy phép nhập khẩu	
8440.90.10	- - Của máy hoạt động bằng điện		Không phải có giấy phép nhập khẩu	
8440.90.20	- - Của máy không hoạt động bằng điện		Không phải có giấy phép nhập khẩu	Không yêu cầu
84.41	**Các máy khác dùng để sản xuất bột giấy, giấy hoặc bìa, kể cả máy cắt xén các loại**			
84.41.10	- Máy cắt xén các loại:			
84.41.10.10	- - Hoạt động bằng điện	Máy dao cắt (xén) giấy hoặc bìa	Giấy phép nhập khẩu	Được sản xuất không quá 25 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
84.41.10.20	- - Không hoạt động bằng điện		Không phải có giấy phép nhập khẩu	Không yêu cầu

Hàng hóa theo mã số HS	Mô tả hàng hóa		Thủ tục và yêu cầu đối với hàng hóa nhập khập	
	Mô tả theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam	Mô tả chuyên ngành trong lĩnh vực in	Về giấy phép	Về hàng hóa
84.42	**Máy, thiết bị và dụng cụ (trừ loại máy công cụ thuộc các nhóm từ 84.56 đến 84.65) dùng để đúc chữ hoặc chế bản, làm khuôn in (bát chữ), trục lăn và các bộ phận in ấn khác; khuôn in (bát chữ), trục lăn và các bộ phận in khác; khuôn in, trục lăn và đá in ly tô, được chuẩn bị cho các mục đích in (ví dụ, đã được làm phẳng, nổi vân hạt hoặc đánh bóng)**	**Máy, thiết bị và dụng cụ (trừ loại máy công cụ thuộc các nhóm từ 84.56 đến 84.65) dùng để đúc chữ hoặc chế bản, làm bản in, khuôn in (bát chữ), ống in và các bộ phận khác; tấm, trục lăn và đá in ly tô, được chuẩn bị cho các mục đích in (ví dụ, đã được làm phẳng, đã được làm nổi hạt hoặc đã được đánh bóng)**		
8442.30	- Máy, thiết bị và dụng cụ:			
8442.30.10	- - Hoạt động bằng điện		Giấy phép nhập khẩu đối với máy chế bản (bao gồm: máy ghi phim, máy ghi kẽm và máy tạo khuôn in trong hoạt động in), trừ loại khác	Được sản xuất không quá 10 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
8442.30.20	- - Không hoạt động bằng điện		Không phải có giấy phép nhập khẩu	Không yêu cầu
8442.40	- Bộ phận của các máy, thiết bị hoặc dụng cụ kể trên:			

Hàng hóa theo mã số HS	Mô tả hàng hóa		Thủ tục và yêu cầu đối với hàng hóa nhập khập	
	Mô tả theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam	**Mô tả chuyên ngành trong lĩnh vực in**	**Về giấy phép**	**Về hàng hóa**
8442.40.10	- - Của máy, thiết bị hoặc dụng cụ hoạt động bằng điện		Không phải có giấy phép nhập khẩu	Không yêu cầu
8442.40.20	- - Của máy, thiết bị hoặc dụng cụ không hoạt động bằng điện		Không phải có giấy phép nhập khẩu	
8442.50.00	- Khuôn in (bát chữ), trục lăn và các bộ phận in khác; khuôn in, trục lăn và đá in ly tô, được chuẩn bị cho các mục đích in (ví dụ, đã được làm phẳng, nổi vân hạt hoặc đánh bóng)		Không phải có giấy phép nhập khẩu	
84.43	**Máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in (bát chữ), trục lăn và các bộ phận in khác của nhóm 84.42; máy in khác, máy copy (copying machines) và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau; bộ phận và các phụ kiện của chúng**	**Máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in (bát chữ), ống in và các bộ phận in của nhóm 84.42; máy in khác, máy copy (copying machines) và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau; bộ phận và các phụ kiện của chúng**		
	- Máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in (bát chữ), trục lăn và các bộ phận in khác thuộc nhóm 84.42:	Máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in (bát chữ), ống in và các bộ phận in khác thuộc nhóm 84.42:		

Hàng hóa theo mã số HS	Mô tả hàng hóa		Thủ tục và yêu cầu đối với hàng hóa nhập khập	
	Mô tả theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam	Mô tả chuyên ngành trong lĩnh vực in	Về giấy phép	Về hàng hóa
8443.11.00	- - Máy in offset, in cuộn	Máy in offset in cuộn	Giấy phép nhập khẩu	Được sản xuất không quá 20 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
8443.12.00	- - Máy in offset, in theo tờ, loại sử dụng trong văn phòng (sử dụng giấy với kích thước giấy ở dạng không gấp một chiều không quá 22 cm và chiều kia không quá 36 cm)	Máy in offset in theo tờ		
8443.13.00	- - Máy in offset khác			
8443.14.00	- - Máy in nổi, in cuộn, trừ loại máy in nổi bằng khuôn mềm	Máy in Letterpress in cuộn		
8443.15.00	- - Máy in nổi, trừ loại in cuộn, trừ loại máy in nổi bằng khuôn mềm	Máy in Letterpress, trừ loại in cuộn		
8443.16.00	- - Máy in nổi bằng khuôn mềm (Flexographic printing machinery)	Máy in Flexo		
8443.17.00	- - Máy in ảnh trên bản kẽm	Máy in ống đồng		
8443.19.00	- - Loại khác	Loại khác, trừ máy in lưới (lụa) - screen printing machinery	Không phải có giấy phép nhập khẩu	Không yêu cầu

Hàng hóa theo mã số HS	Mô tả hàng hóa		Thủ tục và yêu cầu đối với hàng hóa nhập khập	
	Mô tả theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam	Mô tả chuyên ngành trong lĩnh vực in	Về giấy phép	Về hàng hóa
		Máy in lưới (lụa) - screen printing machinery	Giấy phép nhập khẩu	Được sản xuất không quá 20 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
	- Máy in khác, máy copy và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau:			
8443.31	- - Máy kết hợp hai hoặc nhiều chức năng in, copy hoặc fax, có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc kết nối mạng:	Máy kết hợp hai hoặc nhiều chức năng in, copy, scan hoặc fax, có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc kết nối mạng hoặc thêm chức năng khác		
8443.31.10	- - - Máy in - copy, in bằng công nghệ in phun	Máy in - copy, in bằng công nghệ in phun đa màu hoặc thêm chức năng khác	Giấy phép nhập khẩu đối với máy đa màu có tốc độ in trên 60 tờ (khổ A4)/phút hoặc có khổ in trên A3	Được sản xuất không quá 07 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
			Giấy phép nhập khẩu đối với máy đa màu có tốc độ in từ 60 tờ (khổ A4)/phút trở xuống hoặc có khổ A3 trở xuống	Chưa qua sử dụng (mới 100%) và được sản xuất không quá 03 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
8443.31.20	- - - Máy in-copy, in bằng công nghệ laser	Máy in - copy, in bằng công nghệ laser đa màu hoặc thêm chức năng khác	Giấy phép nhập khẩu đối với máy đa màu có tốc độ in trên 60 tờ (khổ A4)/phút	Được sản xuất không quá 07 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu

Hàng hóa theo mã số HS	Mô tả hàng hóa		Thủ tục và yêu cầu đối với hàng hóa nhập khập	
	Mô tả theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam	Mô tả chuyên ngành trong lĩnh vực in	Về giấy phép	Về hàng hóa
			Giấy phép nhập khẩu đối với máy đa màu có tốc độ in từ 60 tờ (khổ A4)/phút trở xuống	Chưa qua sử dụng (mới 100%) và được sản xuất không quá 03 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
8443.31.30	- - - Máy in - copy - fax kết hợp	Máy in - copy - scan - fax kết hợp đa màu hoặc thêm chức năng khác	Giấy phép nhập khẩu đối với máy đa màu có tốc độ in trên 60 tờ (khổ A4)/phút	Được sản xuất không quá 07 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
			Giấy phép nhập khẩu đối với máy đa màu có tốc độ in từ 60 tờ (khổ A4)/phút trở xuống	Chưa qua sử dụng (mới 100%) và được sản xuất không quá 03 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
8443.31.90	- - - Loại khác	Không bao gồm máy đơn màu (đen trắng) đã qua sử dụng	Không phải có giấy phép nhập khẩu	Chưa qua sử dụng (mới 100%) và được sản xuất không quá 03 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
8443.32	- - Loại khác, có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc kết nối mạng:			
8443.32.10	- - - Máy in kim		Không phải có giấy phép nhập khẩu	Chưa qua sử dụng (mới 100%) và được sản xuất không quá 03 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu

Hàng hóa theo mã số HS	Mô tả hàng hóa		Thủ tục và yêu cầu đối với hàng hóa nhập khập	
	Mô tả theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam	Mô tả chuyên ngành trong lĩnh vực in	Về giấy phép	Về hàng hóa
8443.32.20	- - - Máy in phun		Giấy phép nhập khẩu đối với máy có tốc độ in trên 60 tờ (khổ A4)/phút hoặc có khổ in trên A3	Được sản xuất không quá 07 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
			Không phải có giấy phép nhập khẩu đối với máy in có tốc độ in từ 60 tờ (khổ A4)/ phút trở xuống hoặc có khổ in từ A3 trở xuống	Chưa qua sử dụng (mới 100%) và được sản xuất không quá 03 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
8443.32.30	- - - Máy in laser		Có giấy phép nhập khẩu đối với máy có tốc độ in trên 60 tờ (khổ A4)/phút hoặc có khổ in trên A3	Được sản xuất không quá 07 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
			Không phải có giấy phép nhập khẩu đối với máy in có tốc độ in từ 60 tờ (khổ A4)/ phút trở xuống hoặc có khổ in từ A3 trở xuống	Chưa qua sử dụng (mới 100%) và được sản xuất không quá 03 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
8443.32.50	- - - Máy in kiểu lưới dùng để sản xuất các tấm mạch in hoặc tấm mạch dây in		Không phải có giấy phép nhập khẩu	Không yêu cầu
8443.32.60	- - - Máy vẽ (Plotters)		Không phải có giấy phép nhập khẩu	

Hàng hóa theo mã số HS	Mô tả hàng hóa		Thủ tục và yêu cầu đối với hàng hóa nhập khập	
	Mô tả theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam	Mô tả chuyên ngành trong lĩnh vực in	Về giấy phép	Về hàng hóa
8443.32.90	- - - Loại khác		Không phải có giấy phép nhập khẩu	
8443.39	- - Loại khác:			
	- - - Máy photocopy tĩnh điện, hoạt động bằng cách tái tạo hình ảnh gốc trực tiếp lên bản sao (quá trình tái tạo trực tiếp):			
8443.39.11	- - - - Loại màu		Giấy phép nhập khẩu	Chưa qua sử dụng (mới 100%) và được sản xuất không quá 03 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
8443.39.19	- - - - Loại khác		Không phải có giấy phép nhập khẩu	Không yêu cầu
8443.39.20	- - - Máy photocopy tĩnh điện, hoạt động bằng cách tái tạo hình ảnh gốc lên bản sao thông qua bước trung gian (quá trình tái tạo gián tiếp)		Không phải có giấy phép nhập khẩu	
8443.39.30	- - - Máy photocopy khác kết hợp hệ thống quang học		Không phải có giấy phép nhập khẩu	

Hàng hóa theo mã số HS	Mô tả hàng hóa		Thủ tục và yêu cầu đối với hàng hóa nhập khập	
	Mô tả theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam	Mô tả chuyên ngành trong lĩnh vực in	Về giấy phép	Về hàng hóa
8443.39.40	- - - Máy in phun		Giấy phép nhập khẩu đối với máy có tốc độ in trên 60 tờ (khổ A4)/phút hoặc có khổ in trên A3	Được sản xuất không quá 07 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
			Không phải có giấy phép nhập khẩu đối với máy in có tốc độ in từ 60 tờ (khổ A4)/phút trở xuống hoặc có khổ in từ A3 trở xuống	Chưa qua sử dụng (mới 100%) và được sản xuất không quá 03 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
8443.39.90	- - - Loại khác		Không phải có giấy phép nhập khẩu	Không yêu cầu
	- Bộ phận và phụ kiện:			
8443.91.00	- - Bộ phận và phụ kiện của máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in (bát chữ), trục lăn và các bộ phận in khác của nhóm 84.42		Không phải có giấy phép nhập khẩu	Không yêu cầu
8443.99	- - Loại khác:		Không phải có giấy phép nhập khẩu	Không yêu cầu
8443.99.10	- - - Của máy in kiểu lưới dùng để sản xuất tấm mạch in hay tấm mạch dây in		Không phải có giấy phép nhập khẩu	Không yêu cầu

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC II
DANH MỤC, THỦ TỤC NHẬP KHẨU ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU TRONG LĨNH VỰC PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Hàng hóa theo mã số HS	Mô tả hàng hóa		Thủ tục nhập khẩu	
	Mô tả theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam	Mô tả chuyên ngành trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm	Xuất bản phẩm nhập khẩu để kinh doanh	Xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
49.01	**Các loại sách in, sách gấp, sách mỏng và các ấn phẩm in tương tự, dạng tờ đơn hoặc không phải dạng tờ đơn**		Văn bản xác nhận đăng ký nhập khẩu	Giấy phép nhập khẩu
4901.10.00	- Dạng tờ đơn, có hoặc không gấp	Dạng tờ đơn, có hoặc không gấp, dạng tập có chữ nổi (không bao gồm thể loại khoa học, kỹ thuật)		
	- Loại khác:			
4901.91.00	- - Từ điển và bộ bách khoa toàn thư, và các phụ chương của chúng			
4901.99	- - Loại khác:			

Hàng hóa theo mã số HS	Mô tả hàng hóa		Thủ tục nhập khẩu	
	Mô tả theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam	**Mô tả chuyên ngành trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm**	**Xuất bản phẩm nhập khẩu để kinh doanh**	**Xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
4901.99.10	- - - - - - Sách giáo dục, kỹ thuật, khoa học, lịch sử hoặc văn hoá xã hội	Sách chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật, địa lý, quân sự, tôn giáo, lịch sử (kể cả sách dành cho thiếu nhi hoặc sách điện tử trong các thiết bị lưu trữ dữ liệu)		
4901.99.90	- - - Loại khác			
4903.00.00	**Sách tranh ảnh, sách vẽ hoặc sách tô màu cho trẻ em**		Văn bản xác nhận đăng ký nhập khẩu	Giấy phép nhập khẩu
49.05	**Bản đồ và biểu đồ thủy văn hoặc các loại biểu đồ tương tự, kể cả tập bản đồ, bản đồ treo tường, bản đồ địa hình và quả địa cầu, đã in**		Văn bản xác nhận đăng ký nhập khẩu	Giấy phép nhập khẩu
4905.10.00	- Quả địa cầu	Quả địa cầu (có in hình bản đồ hoặc kèm theo sách hoặc minh họa cho sách)		
	- Loại khác:			
4905.91.00	- - Dạng quyển	Dạng quyển		
4905.99.00	- - Loại khác	Dạng tờ rời, tờ gấp		
4910.00.00	**Các loại lịch in, kể cả bloc lịch**		Văn bản xác nhận đăng ký nhập khẩu	Giấy phép nhập khẩu

Hàng hóa theo mã số HS	Mô tả hàng hóa		Thủ tục nhập khẩu	
	Mô tả theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam	**Mô tả chuyên ngành trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm**	**Xuất bản phẩm nhập khẩu để kinh doanh**	**Xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
49.11	**Các ấn phẩm in khác, kể cả tranh và ảnh in**		Văn bản xác nhận đăng ký nhập khẩu	Giấy phép nhập khẩu
4911.10	- Các ấn phẩm quảng cáo thương mại, các catalog thương mại và các ấn phẩm tương tự:	Các ấn phẩm quảng cáo thương mại, các catalog thương mại và các ấn phẩm tương tự (không bao gồm thể loại khoa học - kỹ thuật)		
4911.10.90	- - Loại khác			
	- Loại khác:			
4911.91.29	- - - - Loại khác			
	- - - Tranh in và ảnh khác:			
4911.91.39	- - - - Loại khác			
4911.91.90	- - - Loại khác			
4911.99	- - Loại khác:			
4911.99.90	- - - Loại khác	Bản khắc, bản in, bản in lito có nội dung thay sách hoặc dùng để minh họa cho sách (không thuộc nhóm 9702.00.00) và loại khác		